

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 12 - 2022

V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngoan.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Hồ Văn U, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Bé N trình bày:

Chị và Anh Hồ Văn U chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký

kết hôn ngày 06/11/2003 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 05/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do Anh U ngoại tình, có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị đã nhiều lần bắt gặp Anh U ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị khuyên nhủ, cố gắng hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng không được, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng tình cảm vợ chồng cứ lạnh nhạt dần, việc ai nấy làm. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh U.

Về con chung: có 03 con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 04/7/1996, Hồ Trọng N1, sinh ngày 01/9/1994 và Hồ Thị Xiêu L, sinh ngày 17/11/1992. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: không có.

Từ khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập Anh Hồ Văn U đến để giải quyết vụ án nhưng Anh U đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị N và Anh U được ly hôn.

+ Về con chung: có 03 con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 04/7/1996, Hồ Trọng N1, sinh ngày 01/9/1994 và Hồ Thị Xiêu L, sinh ngày 17/11/1992. Con chung đã trưởng thành, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

+ Về tài sản: Ghi nhận Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

+ Nợ chung: Ghi nhận Chị N trình bày không có.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị N là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Anh U là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với Anh U; Anh U cư trú tại ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và Anh U chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa Chị N và Anh U hợp pháp.

[3.1] Qua lời trình bày của Chị N, biên bản xác minh của trưởng ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (bút lục số 31) và biên bản xác minh của Công an xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh (bút lục số 32) thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do Anh U có người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng mâu thuẫn, bất hòa trong đời sống vợ chồng. Tuy vẫn sống cùng nhau nhưng không còn quan tâm đến nhau, không có sự đồng nhất về cách nghĩ cũng như về lối sống, sinh hoạt, từ đó thiếu sự tin tưởng và không thông cảm, chia sẻ với nhau làm cho tình cảm vợ chồng bị ảnh hưởng.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập Anh U nhiều lần nhưng Anh U vắng mặt không có lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để Chị N và Anh U có cơ hội đoàn tụ. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều

51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Bé N, cho Chị Nguyễn Thị Bé N và Anh Hồ Văn U ly hôn.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng Chị N và Anh U có 03 con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 04/7/1996, Hồ Trọng N1, sinh ngày 01/9/1994 và Hồ Thị Xiêu L, sinh ngày 17/11/1992. Con chung đã trưởng thành, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn, Anh U không có ý kiến nên ghi nhận ý kiến của Chị N.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chị N là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; Anh U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Bé N đối với Anh Hồ Văn U .

Chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với Anh Hồ Văn U .

2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 04/7/1996, Hồ Trọng N1, sinh ngày 01/9/1994 và Hồ Thị Xiêu L, sinh ngày 17/11/1992. Con chung đã trưởng thành, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Ghi nhận Chị Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0017800 ngày 11/10/2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Bé N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cái Thị Minh Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngoan

Nguyễn Thị Ngọc Ngân

Cái Thị Minh Tâm